

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH
Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 23-02-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tô Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Xuyên

Ông Nguyễn Đức Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Việt Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HSST - QĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị M, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1963 tại tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: tổ 6, khu BT 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Lê Thị G; có chồng là Nguyễn Văn H (đã chết); có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022, tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Giang Mạnh K, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1983 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: tổ 5, khu BT 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Mạnh K và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Đoàn Thị N; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022, tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Trung T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1982 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: tổ 1, khu BT 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân M và bà Bùi Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Y; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 09/11/2022, tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Y, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1992 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: tổ 1, khu BT 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn V và bà Hà Thị H; có chồng là Lê Trung T; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022; ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1989 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: tổ 6, khu BT 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H; có vợ là Tạ Thị Tố L; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 12/11/2022; ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

6. Hà Tiến H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1997 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 2, khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Phạm Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 16/12/2021, bị Ủy ban nhân dân phường Phương Nam, thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 16/3/2022 chấp hành xong; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022, tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Thị N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1991 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V và bà Đỗ Thị G; có chồng là Trần Sơn T (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 09/11/2022, tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

8. Vũ Thị Thu Ng, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1977 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký thường trú: tổ 6, khu 1, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; tạm trú: tổ 2, khu 8, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Bá T và bà Lưu Thị T; có chồng là Vũ Văn S; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/02/2014 và ngày 06/5/2021 bị Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022, tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị V, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1988 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 3, khu TL 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T; có chồng là Vũ Đức H; có 02 con, con lớn nhất **sinh năm 2013**, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 05/7/2019 bị Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo đầu thú ngày 05/11/2022; ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1978 tại tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; **trình độ học vấn: không đi học**; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị G; có vợ là Lê Thị H; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 12/11/2022; ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Văn S, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1945 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 3, khu BT1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Mai Thị H; có vợ là Lại Thị V; có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1966, con nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/12/1971, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Uông Bí xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 25/9/1979, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Uông Bí xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022, tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Trường S, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1986 tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 3, khu BT1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam;

tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/01/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015; ngày 22/5/2014 chấp hành xong phần dân sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/11/2022, tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:** bà Đinh Thị Ch, anh Nguyễn Hoài N, anh Nguyễn Tuấn Gi; đều vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người chứng kiến:** ông Nguyễn Văn T; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 04/11/2022, Nguyễn Văn Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Hà Tiến H đến nhà vợ chồng Nguyễn Thị Y - Lê Trung T chơi; tại đây, cả nhóm cùng rủ nhau chơi đánh bạc ăn tiền. Sau khi thống nhất T lấy 01 quân bài tú lơ khơ cắt thành 04 quân vị và lấy bát, đĩa để chơi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Do nhà Yên chật nên mọi người rủ nhau đến nhà Vũ Thị M ở tổ 6, khu BT1, phường P, thành phố U chơi.

Khi tất cả đến nhà M thì có Giang Mạnh K cũng đến, biết mọi người muốn đánh bạc ở nhà M nên K có hỏi M cho mọi người chơi đánh bạc và nộp tiền hồ thì M đồng ý. Sau đó, K thu được tổng số tiền là 500.000đ (trung bình mỗi người 50.000đ) đưa cho M. Tất cả rủ nhau vào phòng ngủ nhà M rồi rải chiếu ra ngồi quây tròn đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Cả nhóm thống nhất cách thức đánh bạc như sau: người chơi đặt cược số tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng theo hai “cửa” chắn hoặc “lẻ”. Mỗi ván người cầm cái cho 04 quân vị vào đĩa, úp bát sù lên trên để mọi người không nhìn thấy các quân vị, sau đó dùng tay lắc các quân vị trong bát đĩa rồi đặt trên chiếu. Khi người chơi đặt tiền xong thì người cầm cái mở bát. Nếu trong 4 quân vị có 02 quân hoặc 04 quân có cùng một mặt thì là “chẵn”. Khi có 3 quân cùng một mặt hoặc 01 quân khác mặt thì là “lẻ”. Nếu người đặt cược đúng theo kết quả sau khi xóc cái thì sẽ được người cầm cái trả gấp đôi số tiền đã đặt cược, ngược lại sẽ thua và mất số tiền đã đặt cược cho người cầm cái. Cả nhóm bắt đầu chơi từ khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/11/2022, lúc này có 09 người tham gia chơi gồm Nguyễn Thị Y, Hà Tiến H, Lê Trung T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Trường S và Nguyễn Văn T; trong đó Nguyễn Văn T là người cầm cái. Chơi được một lúc thì có Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị V đến, cùng vào đánh bạc.

Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang chơi xóc đĩa thì lực lượng Công an đến bắt quả tang 07 đối tượng gồm: Nguyễn Thị Y, Vũ Thị M, Giang Mạnh K, Nguyễn Trường S, Hà Tiến H, Nguyễn Văn S và Vũ Thị

Thu Ng; các đối tượng Nguyễn Văn Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn T, Lê Trung T bỏ chạy thoát. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 12.800.000đ; 01 đĩa sứ trắng; 01 bát sứ trắng; 04 quân vị tròn cắt từ lá bài tứ lơ khơ; 01 chiếu cói.

Ngoài ra còn thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Nguyễn Trường S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Hà Tiến H; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Nguyễn Văn S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Vũ Thị Thu Ng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03s, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Nguyễn Thị Y; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Giang Mạnh K; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu KingGreat, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại của Vũ Thị M.

Sau đó Nguyễn Thị V, Lê Trung T, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn Ng ra đầu thú.

Quá trình điều và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Y, Hà Tiến H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Lê Trung T, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn Ng đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và việc tham gia đánh bạc như nội dung đã nêu trên. Số tiền các bị cáo khai bỏ ra đánh bạc như sau: Y bỏ ra 2.500.000đ để chơi; H bỏ ra số tiền 1.300.000đ; S bỏ ra 100.000đ; Ng bỏ ra 700.000đ; V bỏ ra 500.000đ; T bỏ ra 2.000.000đ; N bỏ ra 1.000.000đ; Q bỏ ra 1.900.000đ; Ng bỏ ra 300.000đ; S bỏ ra 50.000đ. Bị cáo Vũ Thị M thừa nhận cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình để thu số tiền hồ 500.000đ, số tiền này M đã vớt lại chiếu bạc khi bị Công an phát hiện; bị cáo Giang Mạnh K khai nhận là người thu số tiền hồ 500.000đ để đưa cho bị cáo M, phù hợp với lời khai các bị cáo đã đưa tiền hồ cho K, M.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSUB ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Hà Tiến H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Thị M, Giang Mạnh K về tội "Gá bạc" theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

1. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Tiến H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình

phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022.

2. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trung T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

3. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

4. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

5. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

6. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

7. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị Thu Ng từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

8. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

9. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

10. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ng từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

11. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị M từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Gá bạc”.

12. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giang Mạnh K từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Gá bạc”.

Giao các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn Q, Vũ Thị M, Giang Mạnh K cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn Q, Vũ Thị M, Giang Mạnh K có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Thị Thu Ng cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ Thị Thu Ng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Bùi Thị N, Nguyễn Văn Ng cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Bùi Thị N, Nguyễn Văn Ng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.
- Về vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- + Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) đĩa sứ trắng; 01 (một) bát sứ trắng; 04 (bốn) quân vị tròn cắt từ lá bài tú lơ khơ; 01 (một) chiếu cói.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh của các bị cáo:

Xét thấy: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Uông Bí lập vào hồi 13 giờ 15 phút ngày 04/11/2022; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó có 500.000đ tiền hồ mà bị cáo Vũ Thị M vất lại.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 10 phút ngày 04/11/2022, tại tổ 6, khu BT 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Thị M và Giang Mạnh K đã có hành vi thu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền hồ để cho Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Hà Tiến H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Văn T mượn phòng ngủ của gia đình M làm địa điểm để thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 12.300.000đ (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng). Khi T cùng đồng bọn đang đánh bạc thì bị Công an thành phố Uông Bí phát hiện bắt quả tang.

Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng ý thức chấp hành pháp luật kém; các bị cáo biết hành vi đánh bạc, gá bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện để nhằm thỏa mãn nhu cầu bản thân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn

minh của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. “Đánh bạc”, “Gá bạc” đã và đang là một tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, làm cho đạo đức xã hội xuống cấp, hạnh phúc gia đình tan vỡ, là nguồn gốc phát sinh nhiều tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Hành vi của các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Hà Tiến H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Vũ Thị M, Giang Mạnh K đã phạm vào tội “Gá bạc”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 06/CT-VKSUB ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời buộc tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và luận tội tại phiên tòa là có đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Đánh giá về hình phạt:

[3.1] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn; trong đó bị cáo Lê Trung T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội như cất 04 quân vị, bát sứ, đĩa sứ để đánh bạc; mặt khác số tiền bị cáo T dùng để đánh bạc cao thứ hai trong nhóm (2.000.000đ), do đó bị cáo Thành giữ vai trò chính. Tiếp đến là các bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền cụ thể như sau: Nguyễn Thị Y (2.500.000đ); Nguyễn Văn Q (1.900.000đ); Hà Tiến H (1.300.000đ); Bùi Thị N (1.000.000đ); Vũ Thị Thu Ng (700.000đ); Nguyễn Thị V (500.000đ); Nguyễn Văn Ng (300.000đ); Nguyễn Văn S (100.000đ); Nguyễn Trường S (50.000đ). Vì vậy, khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử cũng sẽ xem xét đến số tiền cụ thể các bị cáo tham gia đánh bạc để có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

Đối với các bị cáo Vũ Thị M và Giang Mạnh K tham gia trong vụ án “Gá bạc”, trong đó bị cáo M đồng ý và tạo điều kiện cho bị cáo K đứng ra thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc tại nhà bị cáo M. Bị cáo K không được hưởng bất kỳ lợi ích vật chất nào nhưng đã giúp sức tích cực cho bị cáo M, **do đó bị cáo M có vai trò chính còn bị cáo K có vai trò giúp sức.**

[3.2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được sai phạm; các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Hà Tiến H, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội khi trên 70 tuổi; các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Văn Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn Q sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Vũ Thị Thu Ng có bố đẻ (ông Vũ Bá T) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba; các bị cáo Vũ Thị M, Giang Mạnh K, Nguyễn Trường S quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú và tham gia tích cực trong phong trào tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất, mở đường, phong trào phòng chống dịch Covid-19 tại địa phương; ngoài ra bị cáo M hiện đang nuôi con tật nguyền, chậm phát triển, không có khả năng lao động,

bị cáo Sinh là lao động chính trong gia đình. Do đó các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Văn Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn Q, Vũ Thị Thu Ng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Y, Hà Tiến H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Thị M, Giang Mạnh K, Nguyễn Trường S được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn S được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng trong đó: bị cáo Hà Tiến H có 01 tiền sự (ngày 16/12/2021, bị Ủy ban nhân dân phường Phương Nam, thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 16/3/2022 chấp hành xong); các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S là những người đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích; còn các bị cáo Vũ Thị Thu Ng, Nguyễn Thị V là những người đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” nhưng đến nay được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[3.3] *Về hình phạt chính:* xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt; đa số đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo Hà Tiến H có 01 tiền sự và số tiền dùng đánh bạc tương đối lớn so với các bị cáo khác nên cần thiết phải cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh phòng, chống tội phạm về đánh bạc trong giai đoạn hiện nay. Đối với các bị cáo còn lại, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà có thể cho hưởng án treo để có điều kiện trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3.4] *Về hình phạt bổ sung:* theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tuy nhiên xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] *Về biện pháp ngăn chặn:* áp dụng Điều 123; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đang được áp dụng đối với các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng, Vũ Thị M, Giang Mạnh K.

[5] *Đánh giá về vật chứng và xử lý vật chứng của vụ án:*

- Đối với 01 (một) đĩa sứ trắng; 01 (một) bát sứ trắng; 04 (bốn) quân vị tròn cắt từ lá bài tú lơ khơ; 01 (một) chiếu côi. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 12.300.000đ (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc, xét thấy là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 500.000đ bị cáo K, M đã thu tiền hồ, đây là số tiền do phạm tội mà có nên cũng cần phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 07 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Nguyễn Văn S, Giang Mạnh K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Thị Y, Vũ Thị Thu Ng, Vũ Thị M, Hà Tiến H. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngày 05/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Giang Mạnh K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Thị Y, Vũ Thị Thu Ng, Vũ Thị M, Hà Tiến H; các bị cáo trên đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hay đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Đánh giá về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:* đối với đối tượng Nguyễn Văn T (là người cầm cái) hiện không rõ đang ở đâu, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[7] *Đánh giá về án phí:* các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Hà Tiến H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu N, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng, Vũ Thị M, Giang Mạnh K là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn Sơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] *Đánh giá về quyền kháng cáo:* các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ pháp luật, tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Tiến H 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/11/2022 đến ngày 13/11/2022.

1.2. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trung T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.3. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.4. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.5. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.6. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.7. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị Thu Ng 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.8. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị Nở 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.9. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.10. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngọ từ 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Đánh bạc”.

1.11. Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị M 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Gá bạc”.

1.12. Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giang Mạnh K 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023) về tội “Gá bạc”.

Giao các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn Q, Vũ Thị M, Giang Mạnh K cho Ủy ban

nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn Q, Vũ Thị M, Giang Mạnh K có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Thị Thu Ng cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ Thị Thu Ng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Bùi Thị N, Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Bùi Thị N, Nguyễn Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về biện pháp ngăn chặn*: căn cứ Điều 123; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đang được áp dụng đối với các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng, Vũ Thị M, Giang Mạnh K.

3. *Về xử lý vật chứng*: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) đĩa sứ trắng; 01 (một) bát sứ trắng; 04 (bốn) quân vị tròn cắt từ lá bài tứ lơ khơ; 01 (một) chiếu cói.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

(tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí).

(tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản; biên bản giao nhận tài sản và Phiếu nhập kho ngày 30/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí và Kho bạc Nhà nước Uông Bí).

4. *Về án phí*: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Lê Trung T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Trường S, Hà Tiến H, Nguyễn Thị V,

Vũ Thị Thu Ng, Bùi Thị N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ng, Vũ Thị M, Giang Mạnh K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn S được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Uông Bí;
- UBND phường P, TP U;
- UBND xã H, TX Đ;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Kho bạc Nhà nước Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tô Thị Thịnh